

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/ 5/ 2019

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đình
2. Ông Quảng Văn Minh

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung -
Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Khả - Kiểm sát viên

Ngày 15/5/2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
44/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và
gia đình, theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày
03/4/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 19/4/2019 giữa các đương
sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Sòi Thị P - Sinh năm 1993 (Có mặt).

Nơi ĐKNKTT: Bản T (đội 7), xã H, Huyện Đ, tỉnh ĐB.

Chỗ ở hiện nay: Bản P 1, xã M, huyện Đ.

2. **Bị đơn:** Anh Quảng Văn N, sinh năm 1994

Trú tại: Bản T (đội 7) xã Hua T, Huyện Đ, tỉnh ĐB.

(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03/01/2019 và các bản tự khai tại
Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, chị Sòi Thị P (nguyên đơn) trình bày:*

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Quảng Văn N tổ chức đám cưới theo phong
tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hua T, huyện Đ vào ngày
20/7/2015, hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc
được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp
nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến hai vợ
chồng không có tình yêu thương tôn trọng nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải
nhiều lần nhưng không thành. Chúng tôi đã sống ly thân, tôi về nhà mẹ đẻ tại
bản P 1, xã M sinh sống cho đến nay. Từ khi sống ly thân hai vợ chồng không

còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tôi xét thấy tình cảm giữa tôi và chồng không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc nên tôi viết đơn này đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Chị P khai vợ chồng có 01 con chung là: Quảng Thị Tú U sinh ngày 10/06/2015, sau khi ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị P khai không có.

Ngày 03/01/2019, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị P cho anh N biết. Giao thông báo thụ lý vụ án cho anh N nhận. Nhưng anh N cố tình không nhận và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết thông báo thụ lý vụ án, anh N không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần, giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án tại nhà anh Quảng Văn N. Tiến hành niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải. Nhưng anh N vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo qui định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự.

Ngày 03/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh N.

Ngày 04/4/2019. Tại bản tự khai gửi cho Tòa án anh Quảng Văn N trình bày: Về hôn nhân anh và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ ngày 20/7/2015 hôn nhân tự nguyện không ai ép buộc chung sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung đã hòa giải nhưng không thành. Sau đó hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay, không quan tâm đi lại thăm nom gì nhau. Nay tình cảm không còn cô P làm đơn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung anh N khai vợ chồng có 01 con chung cháu Quảng Thị Tú U sinh ngày 10/06/2015, sau khi ly hôn anh đồng ý để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu U cho đến khi thành niên bản thân không có điều kiện cấp dưỡng.

Về Tài sản riêng, tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh N khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Quảng Văn N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, về tài sản không có như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ

án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chấp nhận cho chị P được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Về tài sản không có; Về án phí nguyên đơn được miễn án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn có địa chỉ tại Đội 7 bản T, xã H, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; 179/ BLTTDS, việc anh Nam không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh Nam đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sỏi Thị P và anh Quàng Văn N tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hua T. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Sau đó hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 cho đến nay không quan tâm đi lại thăm nom gì nhau. Nay tình cảm không còn nên chị P làm đơn xin ly hôn. Tại bản tự khai ngày 04/4/2019 Anh N cũng đồng ý ly hôn vì hai vợ chồng không còn tình cảm đã ly thân từ lâu.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị P và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân gần năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Phương cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Phương xử cho ly hôn giữa chị Sỏi Thị P và anh Quàng Văn N

[3] Về con chung: Chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cháu Quàng Thị Tú U sinh ngày 10/06/2015. Quan điểm của anh N cũng đồng ý để chị P nuôi con anh không cấp dưỡng. Hiện tại cháu U là con gái lại còn nhỏ cần mẹ chăm sóc.

Xét nguyện vọng các bên phù hợp với quy định tại các Điều 69 và Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị P Giao con cho chị P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh N có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai anh N cũng đồng ý với yêu cầu của chị P nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị P.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng, nương: Chị P và anh N đều khai nhận không có.

[6] Về án phí: Chị P là dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại xã đặc biệt khó khăn thuộc diện miễn án phí và có đơn xin miễn áp phí. Áp dụng Điểm

đ Khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 chị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Sòi Thị P được ly hôn với anh Quàng Văn N
2. Về con chung: Chị P được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung Quàng Thị Tú U sinh ngày 10/6/2015 cho đến khi cháu thành niên. Anh N không phải cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Không có.

4. Về án phí:

Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Sòi Thị P được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã H
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bạc Thị Liên

